

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ

Số: **901** /SYT-KHTC

V/v kiểm toán Chuyên đề việc
thực hiện cơ chế tự chủ đối với
các Bệnh viện công lập giai đoạn
2016-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày **29** tháng 3 năm 2019

Kính gửi:

- Bệnh viện tuyến tỉnh;
- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-KTNN ngày 18/3/2019 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Bình Định và hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp đô thị năm 2018 của thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Công văn số 1321/UBND-TH ngày 19/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu phục vụ kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh và hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp đô thị năm 2018 của thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Phiếu yêu cầu số 01/TKT ngày 20/3/2019 của Tổ Kiểm toán;

Để kịp thời tổng hợp số liệu phục vụ công tác kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các Bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018 của tỉnh Bình Định; Sở Y tế yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương triển khai các nội dung sau:

1. Các Bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố cung cấp số liệu tài chính khối Bệnh viện (không báo cáo số liệu các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, Đội Y tế dự phòng và Đội Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và Kế hoạch hóa gia đình) để cung cấp cho Đoàn Kiểm toán nhà nước khu vực III về kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các Bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018 của tỉnh Bình Định theo các biểu mẫu đính kèm theo Công văn này gửi về Sở Y tế trước ngày **03/4/2019** để kịp tổng hợp gửi Kiểm toán Nhà nước. Ngoài việc gửi báo cáo bằng văn bản giấy, Sở Y tế đề nghị các đơn vị gửi file báo cáo đến địa chỉ email: khtc@syt.binhdinh.gov.vn.

2. Riêng đối với các đơn vị được kiểm toán chi tiết (Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ và Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn) ngoài việc gửi báo cáo theo yêu cầu tại mục 1 nêu trên còn phải thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu, báo cáo theo yêu cầu của Tổ Kiểm toán tại Phiếu yêu cầu số 01/TKT (có gửi đính kèm).

- Có trách nhiệm giải thích, giải trình các vấn đề liên quan do Đoàn Kiểm toán Nhà nước yêu cầu.

- Trong thời gian thực hiện kiểm toán, Thủ trưởng các đơn vị hạn chế việc cử những người có liên quan đến nội dung kiểm toán đi công tác, đi học hoặc nghỉ phép, trừ những trường hợp đặc biệt.

- Bố trí phòng làm việc có đủ trang thiết bị, phương tiện để phục vụ công tác kiểm toán.

- Phân công Lãnh đạo đơn vị thường xuyên theo dõi, nắm bắt, trao đổi, tháo gỡ kịp thời các nội dung còn vướng mắc, chưa thống nhất trong quá trình thực hiện kiểm toán.

3. Các đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế về tính chính xác, trung thực, khách quan của các thông tin, tài liệu đã cung cấp và sự chậm trễ trong việc nộp báo cáo ảnh hưởng đến việc báo cáo của toàn ngành Y tế.

Biểu mẫu cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm toán được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế tại địa chỉ: <http://sy.t.binhdingh.gov.vn>.

Giao Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn quy định. *thanh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu VT, KH-TC *ml*



Lê Quang Hùng



Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]



Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM

TT	Chỉ tiêu	Tổng số kp 3 năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
		Số báo cáo	Số báo cáo	Số báo cáo	Số báo cáo
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
1	Kinh phí chưa QT trước chuyển sang				
	- Nguồn ngân sách nhà nước:				
	Trong đó:				
	+ NSNN giao				
	+ Phí, lệ phí để lại				
	+ Viện trợ				
	+ Vay nợ				
	- Kinh phí khác				
2	Kinh phí thực nhận trong năm				
	- Nguồn ngân sách nhà nước:				
	Trong đó:				
	+ NSNN giao				
	+ Phí, lệ phí để lại				
	+ Viện trợ				
	+ Vay nợ				
	- Kinh phí khác				
3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
	- Nguồn ngân sách nhà nước:				
	Trong đó:				
	+ NSNN giao				
	+ Phí, lệ phí để lại				
	+ Viện trợ				
	+ Vay nợ				
	- Kinh phí khác				
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm				
	- Nguồn ngân sách nhà nước:				
	Trong đó:				
	+ NSNN giao				
	+ Phí, lệ phí để lại				
	+ Viện trợ				
	+ Vay nợ				
	- Kinh phí khác				
5	Kinh phí giảm trong năm				
	- Nguồn ngân sách nhà nước:				
	Trong đó:				
	+ NSNN giao				
	+ Phí, lệ phí để lại				
	+ Viện trợ				
	+ Vay nợ				
	- Kinh phí khác				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số kp 3 năm	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
		Số báo cáo	Số báo cáo	Số báo cáo	Số báo cáo
6	Kinh phí chưa QT chuyển năm sau				
	- Nguồn ngân sách nhà nước:				
	Trong đó:				
	+ NSNN giao				
	+ Phí, lệ phí để lại				
	+ Viện trợ				
	+ Vay nợ				
	- Kinh phí khác				

Ghi chú: Tổng hợp theo từng loại khoản sự nghiệp y tế

[illegible]

TÌNH HÌNH THU HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2016; 2017; 2018
TẠI CÁC BỆNH VIỆN CÔNG LẬP

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHỦ giai đoạn 2016-2018
CỦA CÁC BỆNH VIỆN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Bệnh viện A	Bệnh viện B	...
	Giai đoạn 2016-2018			
I	Thu trong kỳ			
	(Các khoản thu theo hướng dẫn tại TT 71)			
II	Chi hoạt động thường xuyên			
	(Các khoản chi theo hướng dẫn tại TT 71)			
III	Mức độ tự chủ theo Thông tư 71 (I-II)			
1	Kinh phí phải NSNN cấp bổ sung hoặc hỗ trợ chi thường xuyên			
2	Kinh phí NSNN đã cấp (số giao kinh phí thường xuyên nguồn tự chủ hàng năm)			
3	Chênh lệch kinh phí NSNN đã cấp so phải cấp hàng năm (2-1)			

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT LAO ĐỘNG, NGUỒN KINH PHÍ, CHI THU NHẬP TĂNG THÊM
NĂM 2016, 2017, 2018**

Đơn vị tính: trđ

TT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ	
					Tỷ lệ năm 2017/2016	Tỷ lệ năm 2018/2017
A	B	1	2	3	4	5
I	Tổng quỹ tiền lương theo ngạch bậc, trong đó:					
-	Quỹ tiền lương khối quan lý					
-	Quỹ tiền lương khối hành chính					
-	Quỹ tiền lương khối bác sỹ					
-	Quỹ tiền lương khối điều dưỡng, y tá					
II	Tổng nguồn kinh phí được sử dụng chi cho sự nghiệp y tế (1+2+3+4)					
1	Nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	Tỷ trọng nguồn thu viện phí/ tổng nguồn KP					
2	Bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
a	Dịch vụ khám chữa bệnh, liên doanh liên kết					
b	Dịch vụ khác					
	Tỷ trọng thu HĐ DV/ tổng nguồn KP					
3	Bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	Tỷ trọng nguồn khác/ tổng nguồn KP					
4	Nguồn NSNS cấp					
	Tỷ trọng NSNN cấp/ tổng nguồn KP					
III	Tổng chi cho sự nghiệp y tế (III=1+2+3+4+5+6+7)					
	Trong đó:					
I	Chi trả cho người lao động của đơn vị (I=a+b+c+d)					
a	<i>Chi tiền lương, tiền công lao động HĐ</i>					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
b	<i>Chi phụ cấp các loại</i>					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
c	<i>Chi thu nhập tăng thêm</i>					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					

TT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ	
					Tỷ lệ năm 2017/2016	Tỷ lệ năm 2018/2017
1	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
	(Chi thu nhập khác (thương)					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
2	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Tỷ trọng chi cho người LĐ/ tổng chi (=I/III)					
3	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN)					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
4	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Tỷ trọng chi đóng góp/ tổng chi (=2/III)					
	Chi thanh toán dịch vụ công cộng					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
5	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Tỷ trọng chi thanh toán dịch vụ công cộng/ tổng chi (=3/III)					
6	Chi chuyên môn nghiệp vụ (4=a+b+c+d)					
	a Thuốc					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
7	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
	b Vật tư thay thế					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
8	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
	c Vật tư, hóa chất tiêu hao					
9	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					

TT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ	
					Tỷ lệ năm 2017/2016	Tỷ lệ năm 2018/2017
4	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Chi khác					
5	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
a	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
b	Tỷ trọng chi chuyên môn nghiệp vụ/ tổng chi (=4/III)					
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định (5=a+b)					
6	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
a	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
b	Sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
7	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
a	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Tỷ trọng chi sửa chữa, mua sắm TSCĐ/ tổng chi (= 5/III)					
b	Chi khác các loại					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
8	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
a	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Tỷ trọng chi khác/ tổng nguồn KP (=6/III)					
b	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định (thuộc nguồn kinh phí KTX) (7=a+b)					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
9	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
a	- Từ nguồn NSNS cấp					
	Chi mua sắm thiết bị, phương tiện					
b	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
10	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
	- Từ nguồn NSNS cấp					
11	Chi nâng cấp, đầu tư XD CB (nếu có)					
	- Từ nguồn thu viện phí được để lại theo quy định					
12	- Từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động dịch vụ, SXKD					
	- Từ nguồn bổ sung từ nguồn khác (tài trợ, huy động khác)					
13	- Từ nguồn NSNS cấp					

TT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ	
					Tỷ lệ năm 2017/2016	Tỷ lệ năm 2018/2017
	Tỷ trọng chi sửa chữa, mua sắm TSCĐ (thuộc nguồn kinh phí KTX)/ tổng chi (=7/III)					
IV	Chênh lệch thu chi (tích lũy) và phân phối tích lũy					
1	Tổng chênh lệch thu chi (a+b)					
a	Chênh lệch thu chi từ hoạt động thường xuyên (II-III)					
b	Chênh lệch thu chi từ dv & SXKD (số không bổ sung nguồn)					
2	Sử dụng tích lũy					
a	Chi thu nhập tăng thêm					
b	Trích Quỹ PTHĐSN trong năm					
	Tỷ trọng trích quỹ PTHĐSN/ tổng nguồn thu					
c	Trích quỹ KT và PL trong năm (trừ số tiền đã SD chi thu nhập tăng thêm trong năm từ quỹ KT&PL)					
V	Tổng chi trả thu nhập cho CCVC của đơn vị					
1	Chi tiền lương, tiền công lao động HĐ					
2	Chi phụ cấp nghề thâm niên, ưu đãi					
3	Chi trả thu nhập tăng thêm					
5	Chi thương					
	Tỷ lệ tổng chi cho người lao động/tổng nguồn thu					
VI	Trích lập và sử dụng các Quỹ					
1	Tổng trích Quỹ trong năm					
a	Quỹ PTHĐSN trong năm					
b	Quỹ KT và PL trong năm					
c	Quỹ ổn định thu nhập					
2	Tổng chi từ các quỹ					
a	Chi từ Quỹ PTHĐSN					
b	Chi từ Quỹ KT và PL trong năm					
c	Sử dụng Quỹ ổn định thu nhập					
4	Dư các quỹ cuối năm 31/12					
a	Quỹ PTHĐSN trong năm					
b	Quỹ KT và PL trong năm					
c	Quỹ ổn định thu nhập					

BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2016, 2017, 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Số lượng đối tượng hưởng lương có mặt		Kinh phí tiền lương được giao trong năm (lấy theo số đơn vị lập do khi phân bổ không	Kinh phí tiền lương quyết toán trong năm	Thu nhập khác (TN TT, thưởng)
			Số lao động có mặt đến 1/1/201n	Số lao động có mặt đến 31/12/201n			
I	Năm 2016						
	Bệnh viện...						
							
II	Năm 2017						
	Bệnh viện...						
							
III	Năm 2018						
	Bệnh viện...						
							

TÌNH HÌNH THU - CHI NĂM 2016; 2017; 2018; VÀ TRÍCH LẬP QUỸ

Đơn vị tính: đồng			
TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A/	Năm 2016		
1	Tổng thu		
2	Tổng chi		
3	Chênh lệch thu - chi		
	Phân bổ cho các quỹ		
+	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
+	Quỹ khen thưởng		
+	Quỹ phúc lợi		
+	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
+	Các quỹ hỗ trợ sinh viên		
-	Quỹ khác...		
B/	Năm 2017		
1	Tổng thu		
2	Tổng chi		
3	Chênh lệch thu - chi		
	Phân bổ cho các quỹ		
+	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
+	Quỹ khen thưởng		
+	Quỹ phúc lợi		
+	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
+	Các quỹ hỗ trợ sinh viên		
-	Quỹ khác...		
C/	Năm 2018		
1	Tổng thu		
2	Tổng chi		
3	Chênh lệch thu - chi		
	Phân bổ cho các quỹ		
+	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
+	Quỹ khen thưởng		
+	Quỹ phúc lợi		
+	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
+	Các quỹ hỗ trợ sinh viên		
+	Quỹ khác...		

ĐOÀN KT TỈNH BÌNH ĐỊNH
TỔ KIỂM TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /TKT

Bình Định, ngày 20 tháng 3 năm 2019

PHIẾU YÊU CẦU

Kính gửi: - Sở Y tế Bình Định

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh
- Bệnh viện mắt
- Trung tâm y tế TP Quy Nhơn
- Trung tâm y tế huyện Phù Mỹ.

Thực hiện Quyết định số 447/QĐ-KTNN ngày 18/3/2019 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Bình Định và hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp đô thị năm 2018 của thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định.

Để phục vụ công tác kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các Bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018 của tỉnh Bình Định; Tổ Kiểm toán yêu cầu các đơn vị có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu và báo cáo có liên quan đến thu, chi ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán năm 2016, 2017, 2018 và các thời kỳ trước, sau có liên quan như sau:

I. Đối với Sở Y tế

1. Các Quyết định giao dự toán sự nghiệp y tế của UBND tỉnh cho ngành Y tế, Quyết định của Sở Y tế cho các đơn vị;
2. Bảng tổng hợp dự toán chi thường xuyên sự nghiệp y tế của tỉnh và huyện (nếu có phân cấp xuống huyện);
3. Thuyết minh định mức, tiêu thức phân bổ dự toán; file phân bổ dự toán hàng năm cho các đơn vị sự nghiệp y tế của tỉnh và huyện (file mềm có công thức tính);
4. Báo cáo quyết toán năm; Bảng (số liệu) tổng hợp dự toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp y tế của địa phương...

6. Các văn bản do UBND tỉnh, các Sở có liên quan đã ban hành về cơ chế tự chủ tài chính trong lĩnh vực y tế.

7. Phương án tự chủ của các Bệnh viện trực thuộc lập trình các Sở, UBND tỉnh; các tài liệu liên quan đến việc thẩm định, phê duyệt phương án tự chủ.

8. Các văn bản chỉ đạo, điều hành, Biên bản kiểm tra, Báo cáo tổng kết đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các Bệnh viện công lập (năm, giai đoạn).

9. Các hồ sơ trình thẩm định phê duyệt đề án, phương án liên doanh liên kết của các Bệnh viện công lập trực thuộc tỉnh; các báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt; danh mục các đề án liên doanh, liên kết giai đoạn 2016-2018 và các năm trước sau có liên quan.

10. Biểu mẫu kèm theo: Phụ lục số 02; PL số 02a; PL số 03; PL số 05; PL số 05a; PL số 09; PL số 10; PL số 11; PL số 13 và PL số 16.

Ghi chú: Tài liệu và biểu mẫu cung cấp 3 năm (2016, 2017 và 2018).

II. Đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện mắt, Trung tâm y tế Phù Mỹ và Trung tâm y tế TP Quy Nhơn.

1. Hồ sơ xây dựng phương án tự chủ của đơn vị trình cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt phương án tự chủ của cấp có thẩm quyền.

2. Các Quyết định ban hành giá dịch vụ y tế; Cơ cấu giá các loại dịch vụ y tế

3. Đối với các khoản thu.

3.1. Thu khám chữa bệnh: Các Quyết định ban hành giá dịch vụ y tế; Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

3.2. Thu hoạt động khác (Trông giữ xe, dịch vụ người nhà bệnh nhân, thu dinh dưỡng, chăm sóc bệnh nhân, căngtin, thu nhà thuốc bệnh viện, dịch vụ vận chuyển bệnh nhân....): Các hợp đồng, thanh lý hợp đồng dịch vụ (nếu có), Sổ kế toán, Báo cáo tài chính, các quyết định ban hành mức thu, Tờ khai quyết toán thuế...

4. Tự chủ về sử dụng nguồn tài chính

4.1. Quy chế chi tiêu nội bộ; Biên bản họp hội nghị xin ý kiến cán bộ công nhân viên chức thông qua quy chế.

4.2. Báo cáo tài chính; Sổ kế toán.

4.3. Bảng (Quyết định) xác định kinh phí tiết kiệm và phương án chi trả kinh phí tiết kiệm; phương án tiết kiệm và chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị các năm;

4.4. Sổ kế toán (sổ chi tiết Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ ổn định thu nhập, Quỹ PTHĐSN), quyết định về việc trích lập các quỹ (nếu có),.

4.5. Các quyết định giao dự toán; quyết định giao chỉ tiêu biên chế, chỉ tiêu giường bệnh; quỹ tiền lương trong chỉ tiêu biên chế giao...

5. Hoạt động xã hội hóa, liên doanh, liên kết gắn với tự chủ tài chính.

5.1. Đề án liên doanh liên kết do đơn vị lập và trình cấp có thẩm quyền, Quyết định phê duyệt đề án, Các Biên bản họp thông qua chủ trương thực hiện liên doanh, liên kết...

5.2. Đề án liên doanh liên kết đã được phê duyệt; Hồ tài liệu, chứng từ chứng minh nguồn gốc, chất lượng tài sản, nguồn vốn, nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động liên doanh, liên kết; Hợp đồng liên doanh liên kết; Sổ kế toán;

6. Việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ.

6.1. Hồ sơ xây dựng và thực hiện kế hoạch, quy hoạch và chiến lược phát triển của đơn vị; Kế hoạch, chiến lược phát triển của đơn vị đã được phê duyệt; Quyết định giao chỉ tiêu giường bệnh; báo cáo công suất giường bệnh của các năm. Văn bản của các cơ quan thẩm quyền về chức năng nhiệm vụ của đơn vị, các khoa, phòng; Báo cáo tổng kết đánh giá của đơn vị về thực hiện chức năng nhiệm vụ và phương hướng thực hiện trong năm tiếp theo....

6.2. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu chuyên môn do đơn vị xây dựng; Sổ theo dõi, thống kê hoặc Bảng tổng hợp số liệu việc thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn; Báo cáo tổng kết đánh giá của đơn vị về thực hiện chức năng nhiệm vụ và phương hướng thực hiện trong năm tiếp theo....; các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng, kết quả đào tạo...

7. Các văn bản tổ chức các khoa, phòng và các đơn vị trực thuộc (nếu có)

Quyết định giao chỉ tiêu biên chế; Đề án vị trí việc làm và các báo cáo đi kèm; Các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên về cơ cấu, số lượng lao động; Kế hoạch hoạt động chuyên môn; Kế hoạch tuyển dụng lao động....

8. Hồ sơ liên quan cơ sở hạ tầng khám chữa bệnh, trụ sở làm việc của đơn vị; hồ sơ liên quan đến việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết...; hồ sơ chứng từ; hồ sơ về việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN...

9. Biểu mẫu kèm theo: Phụ lục số 01; PL số 03; PL số 03a; PL số 03b; PL số 06; PL số 07; PL số 07a; PL số 10; PL số 11; PL số 11a; PL số 11b; PL số 12; PL số 13; PL số 13a và PL số 13b

Ghi chú: Tài liệu và biểu mẫu cung cấp 3 năm (2016, 2017 và 2018).

III. Thời gian cung cấp cho Tổ kiểm toán:

- Tài liệu và biểu mẫu giai đoạn 2016-2018: cung cấp cho Tổ kiểm toán trước ngày 16/4/2019 bản cứng và bản mềm (nếu có).

- Người nhận hồ sơ, tài liệu của Tổ kiểm toán: Kiểm toán viên Nguyễn Thị Thúy Nga – Số ĐT: 0912.361.179.

- Các thông tin, tài liệu khác và số liệu, tài liệu chi tiết Tổ kiểm toán sẽ yêu cầu cung cấp bổ sung trong quá trình làm việc tại đơn vị.

Rất mong sự quan tâm, phối hợp của Lãnh đạo đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HSKT.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN

(Đã ký)

Trần Thị Thu Sang

Số thẻ KTVNN: C0656